



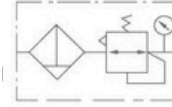
XAW2000-02

XAW4000-04

XAW5000-10

## Ordering Code | Mã đặt hàng

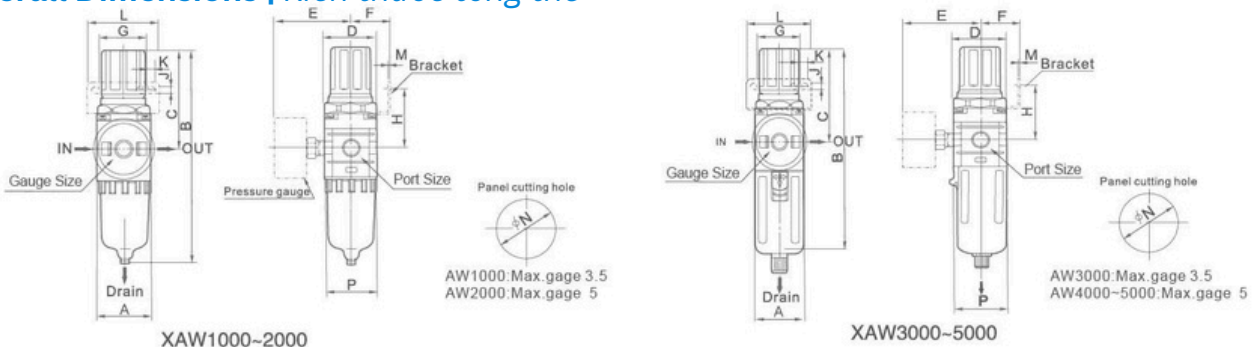
| XA                                           | W                               | 4000                           | 04                                                          |                                                                                                                                                                   |                                                                                                           |                                           |
|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Series<br>(Dòng sản phẩm)                    | Function Code<br>(Mã chức năng) | Body size<br>(Kích thước thân) | Port Size<br>(Cổng kết nối)                                 | Drain type<br>(Kiểu xả nước)                                                                                                                                      | Metal cup<br>(Cốc kim loại)                                                                               | Color<br>(Màu sắc)                        |
| Filter & Regulator<br>(Bộ lọc và bộ điều áp) |                                 | 2000<br>3000<br>4000<br>5000   | 02: G1/4"<br>03: G3/8"<br>04: G1/2"<br>06: G3/4"<br>10: G1" | Blank: Manual Drain Type<br>(Mặc định: Thủ công)<br>D: Auto Drain Type - Available for 2000 or above<br>(Kiểu xả nước tự động - Chỉ có sẵn cho dòng 2000 trở lên) | U: With Iron cup (Cốc sắt)<br>L: With Aluminum cup (Available for 2000)<br>(Cốc nhôm (chỉ cho dòng 2000)) | Blank: Standard<br>(Mặc định: Tiêu chuẩn) |

Graphic Symbol  
Ký hiệu đồ họa

## Specification | Thông số kỹ thuật

| Model<br>(Mã hàng)                                             | XAW2000-02                                       | XAW3000-03                                                                                            | XAW4000-04 | XAW4000-06 | XAW5000-10 |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|
| Rated flow (L/min)<br>(Lưu lượng định mức)                     | 550                                              | 2000                                                                                                  | 4000       | 45000      | 5500       |
| Port size<br>(Kích thước cổng kết nối)                         | G1/4“                                            | G3/8"                                                                                                 | G1/2"      | G3/4"      | G1"        |
| Filter precision<br>(Độ chính xác lọc)                         | 25μ                                              |                                                                                                       |            |            |            |
| Highest working pressure<br>(Áp suất làm việc tối đa)          | 1.0MPa                                           |                                                                                                       |            |            |            |
| Ensured pressure resistance<br>(Khả năng chịu áp suất đảm bảo) | 1.5MPa                                           |                                                                                                       |            |            |            |
| Operating temperature range<br>(Dải nhiệt độ làm việc)         | 5°C - 60°C                                       |                                                                                                       |            |            |            |
| Range of adjustable pressure<br>(Phạm vi điều chỉnh áp suất)   | 0.05 - 0.85MPa                                   |                                                                                                       |            |            |            |
| Container material<br>(Vật liệu bình chứa)                     | Polycarbonate                                    |                                                                                                       |            |            |            |
| Protective cover<br>(Vỏ bảo vệ)                                | Not available<br>(Không có sẵn)                  | Available<br>(Có sẵn)                                                                                 |            |            |            |
| Drain function<br>(Chức năng xả nước ngưng)                    | Differential Drain<br>(Xả tự động theo chênh áp) | Differential Drain/Automatic Drain<br>(Xả tự động theo chênh áp/Xả tự động theo thời gian - mực nước) |            |            |            |
| Valve type<br>(Loại van)                                       | With overflow<br>(Kèm chức năng xả tràn)         |                                                                                                       |            |            |            |

## Overall Dimensions | Kích thước tổng thể



## Dimension Sheet | Bảng kích thước

| Model<br>(Mã hàng) | Port size<br>(Kích thước cổng kết nối) | A  | B     | C    | D  | E    | F    | G  | H    | J   | K    | L  | M   | N    | P  |
|--------------------|----------------------------------------|----|-------|------|----|------|------|----|------|-----|------|----|-----|------|----|
| XAW2000            | G1/8" - G1/4"                          | 40 | 164.5 | 78   | 40 | 56.8 | 30   | 34 | 43.5 | 5.4 | 15.4 | 55 | 2.3 | 33.5 | 40 |
| XAW3000            | G1/4" - G3/8"                          | 53 | 211   | 92.5 | 53 | 60.8 | 39   | 40 | 46   | 6.5 | 8    | 53 | 2.3 | 42.5 | 56 |
| XAW4000            | G3/8" - G1/2"                          | 70 | 262   | 112  | 70 | 70.5 | 49.2 | 54 | 53.5 | 8.5 | 10.5 | 70 | 2.3 | 52.2 | 73 |
| XAW4000-06         | G3/4"                                  | 75 | 267   | 114  | 70 | 70.5 | 49.2 | 54 | 55.5 | 8.5 | 10.5 | 70 | 2.3 | 52.5 | 73 |
| XAW5000            | G3/4" - G1"                            | 90 | 338   | 116  | 90 | 75.5 | 49.5 | 54 | 62   | 8.5 | 10.5 | 70 | 2.3 | 52.5 | 90 |